



CK.0000069115

B... ĐÀO TÙNG BÁCH

NGHIỆP VỤ CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRƯỜNG XÂY DỰNG



NGUYỄN
C LIỆU



NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG

BÙI MẠNH HÙNG - ĐÀO TÙNG BÁCH

NGHIỆP VỤ
CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRƯỜNG XÂY DỰNG

(Tái bản)

NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG
HÀ NỘI - 2013

LỜI NÓI ĐẦU

Sản phẩm của các doanh nghiệp xây dựng bao gồm phần kiến tạo các kết cấu xây dựng làm chức năng bao che, nâng đỡ và phân dùng để lắp đặt các máy móc thiết bị của công trình xây dựng, để đưa chúng vào hoạt động. Sản phẩm xây dựng thường rất lớn và phải xây dựng trong nhiều năm. Sản phẩm mang tính tổng hợp về kỹ thuật, kinh tế, xã hội, văn hoá - nghệ thuật và quốc phòng. Sản phẩm xây dựng nói chung thực hiện ở ngoài trời nên chịu ảnh hưởng bởi nắng, mưa, nhiệt độ, bão, lũ, tuyết...

Sản xuất xây dựng mang tính tổng hợp, cơ cấu sản xuất phức tạp, các công việc xen kẽ và ảnh hưởng lẫn nhau, thường có nhiều đơn vị tham gia trong quá trình tạo ra sản phẩm xây dựng. Do đó công tác tổ chức quản lý trên công trường rất phức tạp, đòi hỏi sự linh hoạt khi phối hợp hoạt động của các tổ đội lao động làm các công việc khác nhau trên cùng một mặt trận công tác.

Vì vậy người chỉ huy trưởng công trường cần phải nắm vững pháp luật, biết cách tổ chức thi công hiệu quả, đặc biệt là phải biết phối hợp chặt chẽ và nhịp nhàng giữa các lực lượng tham gia xây dựng theo thời gian và không gian. Phải coi trọng công tác điều độ thi công, có tinh thần và trình độ tổ chức phối hợp cao giữa các đơn vị tham gia xây dựng công trình.

Tài liệu này giới thiệu những kiến thức và nghiệp vụ cần thiết của người chịu trách nhiệm cao nhất về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và về giá thành của công trình xây dựng. Đó là chỉ huy trưởng công trường.

Tác giả

Chương 1

GIỚI THIỆU VỀ LUẬT XÂY DỰNG VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN LUẬT XÂY DỰNG

Luật Xây dựng được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại Kỳ họp thứ 4, khoá XI (tháng 11/2003). Việc thể chế hoá Luật nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý các hoạt động xây dựng thống nhất trong cả nước, tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật theo hướng hội nhập của ngành với các nước trong khu vực và quốc tế.

1.1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ KẾT CẤU CỦA LUẬT XÂY DỰNG

1.1.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Luật Xây dựng quy định về các hoạt động xây dựng; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình và hoạt động xây dựng.

Các hoạt động xây dựng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Xây dựng:

- Lập quy hoạch xây dựng;
- Lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Khảo sát xây dựng;
- Thiết kế xây dựng công trình;
- Thi công xây dựng công trình;
- Giám sát thi công xây dựng công trình;
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình.

Đối tượng áp dụng Luật Xây dựng: Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khi tham gia hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

1.1.2. Kết cấu Luật Xây dựng

Luật Xây dựng với 9 chương, 123 điều, bao gồm các nội dung về:

- Những quy định chung của Luật đối với hoạt động xây dựng;

- Yêu cầu, nội dung, điều kiện thực hiện, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng, lựa chọn nhà thầu và hợp đồng xây dựng;

- Quản lý nhà nước đối với hoạt động xây dựng;

- Các chế tài về khen thưởng, xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng và điều khoản thi hành.

Luật Xây dựng gồm có 9 chương sau đây:

Chương I. Những quy định chung (Điều 1-10)

Chương II. Quy hoạch xây dựng (Điều 11-34)

1. Quy định chung (Điều 11-14)
2. Quy hoạch xây dựng vùng (Điều 15-18)
3. Quy hoạch xây dựng đô thị (Điều 19-27)
4. Quy hoạch Xây dựng điểm dân cư Nông thôn (Điều 28-31)
5. Quản lý quy hoạch xây dựng (Điều 32-34)

Chương III. Dự án đầu tư xây dựng công trình (Điều 35-45)

Chương IV. Khảo sát, thiết kế xây dựng (Điều 46-61)

1. Khảo sát xây dựng (Điều 46-51)
2. Thiết kế xây dựng công trình (Điều 52-61)

Chương V. Xây dựng công trình (Điều 62-94)

1. Giấy phép xây dựng (Điều 62-68)
2. Giải phóng mặt bằng xây dựng công trình (Điều 69-71)
3. Thi công xây dựng công trình (Điều 72-86)
4. Giám sát thi công xây dựng công trình (Điều 87-90)
5. Xây dựng các công trình đặc thù (Điều 91-94)

Chương VI. Lựa chọn nhà thầu và hợp đồng xây dựng (Điều 95-117)

Chương VII. Quản lý nhà nước về xây dựng (Điều 111-118)

Chương VIII. Khen thưởng và xử lý vi phạm (Điều 119-120)

Chương IX. Điều khoản thi hành (Điều 121-123).

1.2. HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Hoạt động xây dựng bao gồm: lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng công

trình, giám sát thi công xây dựng công trình, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, lựa chọn nhà thầu và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình.

1.2.1. Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động xây dựng

Tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng phải tuân theo các nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Bảo đảm xây dựng công trình theo quy hoạch, thiết kế; bảo đảm mỹ quan công trình, bảo vệ môi trường và cảnh quan chung; phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm văn hoá, xã hội của từng địa phương; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh;
- Tuân thủ quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng;
- Bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn công trình, tính mạng con người và tài sản, phòng chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường;
- Bảo đảm xây dựng đồng bộ trong từng công trình, đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Bảo đảm tiết kiệm, có hiệu quả, chống lãng phí, thất thoát và các tiêu cực khác trong xây dựng.

1.2.2. Lập quy hoạch xây dựng

Quy hoạch xây dựng là việc tổ chức không gian đô thị và điểm dân cư nông thôn, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; tạo lập môi trường sống thích hợp cho người dân sống tại các vùng lãnh thổ, bảo đảm kết hợp hài hoà giữa lợi ích quốc gia với lợi ích cộng đồng, đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường. Quy hoạch xây dựng được thể hiện thông qua đồ án quy hoạch xây dựng bao gồm sơ đồ, bản vẽ, mô hình và thuyết minh.

Quy hoạch xây dựng phải được lập, phê duyệt làm cơ sở cho các hoạt động xây dựng tiếp theo. Quy hoạch xây dựng được lập cho năm năm, mười năm và định hướng phát triển lâu dài. Quy hoạch xây dựng phải được định kỳ xem xét điều chỉnh để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn. Việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng phải bảo đảm tính kế thừa của các quy hoạch xây dựng trước đã được lập và phê duyệt (Điều 11 [1]).

Các yêu cầu chung khi lập quy hoạch xây dựng: Phù hợp, đồng bộ với các quy hoạch khác; tổ chức, sắp xếp không gian hợp lý; tạo lập được môi trường sống tiện nghi, an toàn và bền vững...

a) Yêu cầu đối với nội dung của quy hoạch xây dựng (Điều 13)

Quy hoạch xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu chung sau đây:

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển của các ngành khác, quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch chi tiết xây dựng phải phù hợp với

quy hoạch chung xây dựng; bảo đảm quốc phòng, an ninh, tạo ra động lực phát triển kinh tế - xã hội;

- Tổ chức, sắp xếp không gian lãnh thổ trên cơ sở khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai và các nguồn lực phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm lịch sử, kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học và công nghệ của đất nước trong từng giai đoạn phát triển;

- Tạo lập được môi trường sống tiện nghi, an toàn và bền vững; thoả mãn các nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của nhân dân; bảo vệ môi trường, di sản văn hoá, bảo tồn di tích lịch sử - văn hoá, cảnh quan thiên nhiên, giữ gìn và phát triển bản sắc văn hoá dân tộc;

- Xác lập được cơ sở cho công tác kế hoạch, quản lý đầu tư và thu hút đầu tư xây dựng; quản lý, khai thác và sử dụng các công trình xây dựng trong đô thị, điểm dân cư nông thôn.

b) Phân loại quy hoạch xây dựng

Quy hoạch xây dựng được phân làm ba loại: Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch xây dựng đô thị (gồm quy hoạch chung xây dựng đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

- Quy hoạch xây dựng vùng là việc tổ chức hệ thống điểm dân cư, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong địa giới hành chính của một tỉnh hoặc liên tỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Nội dung quy hoạch xây dựng vùng được quy định trong Điều 16.

- Quy hoạch chung xây dựng đô thị là việc tổ chức không gian đô thị, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đô thị phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, bảo đảm quốc phòng, an ninh của từng vùng và của quốc gia trong từng thời kỳ.

- Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị là việc cụ thể hoá nội dung của quy hoạch chung xây dựng đô thị, là cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng công trình, cung cấp thông tin, cấp giấy phép xây dựng công trình, giao đất, cho thuê đất để triển khai các dự án đầu tư xây dựng công trình.

Nội dung quy hoạch xây dựng đô thị được quy định trong Điều 20.

- Quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn là việc tổ chức không gian, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của điểm dân cư nông thôn.

Nội dung quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn được quy định trong Điều 29.

c) Phân cấp trách nhiệm về lập, phê duyệt quy hoạch xây dựng

c1) Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng (Điều 17)

- Bộ Xây dựng tổ chức lập, thẩm định quy hoạch xây dựng vùng trọng điểm, vùng liên tỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sau khi có ý kiến của các Bộ, Ngành, Uỷ ban nhân dân các tỉnh có liên quan.